TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS - ST
Ngày 11 tháng 8 năm 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn.
2. Bà Dương Thị Hoa.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Công - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2023/TLST-DS ngày 30/5/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXX-ST ngày 15/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2023/QĐST-DS ngày 04/8/2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm: 1960.
Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
(có mặt)

**** Bị đơn*:** Bà Bùi Thị N. Sinh năm:1983.
Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nhận ngày 30/5/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa trình bày:

Bà H và bà N có mối quan hệ quen biết. Ngày 01/5/2019 Bà H cho bà N vay số tiền 1.000.000.000 đồng.

Hai bên có lập Giấy vay tiền ngày 01/5/2019, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 03 năm kể từ ngày 01/5/2019 đến ngày 30/4/2022, có chữ ký và điểm chỉ của bên vay. Bà H đã giao đủ tiền cho bà N.

Do bà N không thực việc trả nợ nên ngày 17/02/2022 Bà H có yêu cầu bà N viết giấy cam kết trả nợ như sau:

Lần 1: ngày 30/4/2022 trả 300.000.000đ.

Lần 2: ngày 30/6/2022 trả 300.000.000đ.

Lần 3: ngày 31/8/2022 trả 400.000.000đ.

Lãi suất 10%/năm.

Trường hợp bà N không trả nợ đúng hạn thì phải chịu lãi suất 15%/năm.

Bà N cam đoan đến ngày 31/8/2022 mà không thanh toán đủ gốc lãi thì bà N sẽ làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất số CE 737191do UBND huyện Việt Yên cấp ngày 25/01/2016. Tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Kim H và bà Bùi Thị N. Khi đó tài sản này bà N đang thế chấp vay Ngân hàng công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang với số tiền vay là 1.500.000.000đ.

Tuy nhiên, từ đó đến nay bà N đã không trả Bà H một đồng gốc và lãi nào. Do vậy Bà H đã khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà N phải trả cho bà số tiền 1.000.000.000đ gốc vay.

Về lãi suất: Yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả cho bà lãi suất là 10% kể từ ngày vay 01/5/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nhưng tính tròn là 04 năm 03 tháng.

Cụ thể: 1.000.000.000đ x (0,83%/tháng; 10%/năm) x (04 năm 03 tháng) = 425.000.000đ.

Tổng cộng gốc, lãi là: 1.425.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Bùi Thị N có mặt tại phiên tòa trình bày:

Khoảng thời gian từ năm 2013 đến nay bà N có vay của Bà H làm nhiều lần nhưng bà không nhớ rõ, chỉ nhớ khoảng 4 đến 5 lần với số tiền có lần thì vài chục triệu, có lần thì hơn trăm triệu.

Khi vay hai bên có lập hợp đồng vay bằng văn bản theo hình thức bà N viết vào sổ của Bà H và ký nhận, không ghi lãi suất vào văn bản nhưng thỏa thuận ngoài là lãi suất 3.000đ/1 triệu/ ngày. Quá trình vay, về gốc vay bà N chưa trả được đồng nào. Về lãi suất bà N đã trả được khoảng 1 tỷ đồng.

Khoảng năm 2018 do không trả được đầy đủ gốc và lãi đến hạn nên bà N và Bà H đã chốt nợ với nhau và ghi 1 giấy vay nợ mới với tổng nợ gốc là 470.000.000đ và lãi phải trả là 630.000.000đ. Tổng cộng gốc lãi là 1.100.000.000đ.

Đến ngày 01/5/2019 do không có khả năng trả nợ nên bà N đã gặp Bà H để đề nghị Bà H giảm lãi suống còn 1.000.000.000đ cả gốc và lãi. Bà H đồng ý và soạn thảo giấy vay tiền mới với số tiền vay là 1.000.000.000đ. thời hạn vay là 3 năm kể từ ngày 01/5/2019, lãi suất là 10%/năm.

Do bà N không trả được lãi đầy đủ nên ngày 17/02/2022 Bà H có yêu cầu bà N viết giấy cam kết trả nợ như sau:

Lần 1: ngày 30/4/2022 trả 300.000.000đ.

Lần 2: ngày 30/6/2022 trả 300.000.000đ.

Lần 3: ngày 31/8/2022 trả 400.000.000đ.

Lãi suất 10%/năm.

Trường hợp bà N không trả nợ đúng hạn thì phải chịu lãi suất 15%/năm.

Bà N cam đoan đến ngày 31/8/2022 mà không thanh toán đủ gốc lãi thì bà N sẽ làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất số CE 737191do UBND huyện Việt Yên cấp ngày 25/01/2016. Tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Kim H và bà Bùi Thị N. Khi đó vợ chồng bà N đang thế chấp vay Ngân hàng công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang số tiền 1.500.000.000đ. Hiện nay bà N chưa giải chấp tài sản trên.

Do thực hiện không đúng cam kết nên Bà H đã khởi kiện bà N ra Tòa.

Trong số tiền 1 tỷ tiền gốc mà Bà H đang kiện thì chỉ có 470.000.000đ tiền gốc vay còn lại là lãi cộng dồn.

Nay bà N chỉ đồng ý trả cho Bà H số tiền gốc vay 470.000.000đ và lãi suất tính từ 17/02/2022 đến khi trả hết nợ gốc với lãi suất là 10%năm.

Bà N xác định khoản vay trên là vay riêng cá nhân bà N mục đích để kinh doanh bất động sơn không liên gì đến chồng bà N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 1 đã không chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Bùi Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tổng cộng 1.425.000.000đ (Một tỉ bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng); trong đó: gốc vay là 1.000.000.000đ; lãi vay là 425.000.000đ.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Bà H được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có địa chỉ tại xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên Hội đồng xét xử xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] *Về số tiền gốc vay:* Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho Bà H số tiền gốc vay là 1.000.000.000đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa bà N và Bà H là hợp đồng được lập thành văn bản do bà N điểm chỉ và ký tên. Căn cứ vào giấy vay tiền mà Bà H đã giao nộp thì ngày 01/5/2019, Bà H đã cho bà N vay số tiền là: 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 3 năm, lãi suất là 10%/năm. Mục đích vay là để đầu tư kinh doanh. Quá trình vay, do không trả được nợ Bà H nên ngày 17/02/2022 bà N đã viết giấy cam kết trả nợ theo các lần như sau:

Lần 1: ngày 30/4/2022 trả 300.000.000đ.

Lần 2: ngày 30/6/2022 trả 300.000.000đ.

Lần 3: ngày 31/8/2022 trả 400.000.000đ.

Lãi suất 10%/năm.

Bà N cam đoan đến ngày 31/8/2022 mà không thanh toán đủ gốc lãi thì bà N sẽ làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất số CE 737191do UBND huyện Việt Yên cấp ngày 25/01/2016. Tên chủ sử dụng là Nguyễn Kim H và Bùi Thị N. Khi đó vợ chồng bà N đang thế chấp vay ngân hàng công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Giang số tiền 1.500.000.000đ. Hiện nay bà N chưa giải chấp tài sản trên. Bà N không đồng ý trả Bà H 1.000.000.000đ với lý do chỉ có 470.000.000đ tiền gốc vay còn lại là lãi cộng dồn. Nay bà N chỉ đồng ý trả cho Bà H số tiền gốc vay 470.000.000đ và lãi suất 10%/năm tính từ 17/02/2022 đến khi trả hết nợ gốc.

Bà N cho rằng số tiền trên đã bao gồm lãi cộng dồn nhưng không có căn cứ để chứng minh lãi cộng dồn. Các tài liệu mà bà N xuất trình là giấy vay tiền ghi ngày 16/6/2019 và nội dung cũng không thể thiện rõ ràng gốc là bao nhiêu và lãi cộng dồn là bao nhiêu. Bà N trình bày là bà có được giấy vay ngày 16/6/2023 là do bà N và Bà H đã chốt nợ và viết giấy vay đó. Bà H không thừa nhận giấy này

là của Bà H viết mà cho rằng bà N tự viết ra vì không có chữ ký của Bà H. Giấy vay này ghi ngày 16/6/20219 là có sau ngày vay 1.000.000.000đ. Bà N cũng không xuất trình được giấy vay trước là bao nhiêu để chứng minh lãi cộng dồn. Căn cứ giấy cam kết trả nợ mà bà N viết ngày 17/02/2022 thì bà N còn nợ Bà H số tiền 1.000.000.000đ và lãi phát sinh. Nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H về việc buộc bà N phải trả cho Bà H số tiền gốc vay là 1.000.000.000đ.

[2.2] *Về số tiền lãi vay:*

Khi vay, hai bên có thoả thuận trong giấy vay là 10%/năm. Trường hợp bà N không trả nợ đúng hạn thì phải chịu lãi suất 15%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù bà N đến hạn trả nhưng không trả được nợ, nhưng Bà H không yêu cầu lãi suất quá hạn (là 15%/năm) mà chỉ yêu cầu trả lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay 01/5/2019.

Do hai bên có thoả thuận về lãi suất và lãi suất được xác định là 10%/năm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H về việc yêu cầu bà N phải trả cho Bà H lãi suất 10% kể từ ngày vay 01/5/2019 đến ngày tòa án xét xử nhưng tính tròn là 04 năm 03 tháng. Cụ thể: 1.000.000.000đ x (0,83%/tháng; 10%/năm) x (04 năm 03 tháng) = 425.000.000đ.

Tổng cộng gốc, lãi bà N phải trả là:

1.000.000.000đ + 425.000.000đ = 1.425.000.000đ.

(Một tỉ bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng).

[2.3] việc bà N khai đã vay Bà H với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ nhưng bà N không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xử lý hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Bà H được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Bùi Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tổng cộng 1.425.000.000đ (Một tỉ bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng); trong đó: gốc vay là 1.000.000.000đ; lãi vay là 425.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Bùi Thị N phải chịu 54.747.000 đồng (Năm mươi bốn triệu bẩy trăm bốn mươi bẩy nghìn đồng*)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Nơi nhận:
- VKSND H. Việt Yên;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- CCTHA-DS H. Việt Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường